

Số: 548 /BTT-SCT-CTK

Đồng Nai, ngày 12 tháng 3 năm 2014

BẢN THỎA THUẬN
Cơ chế phối hợp thực hiện công tác thống kê
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Thống kê ngày 26 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Đổi mới đồng bộ các Hệ thống chỉ tiêu thống kê;

Căn cứ Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ nội dung thỏa thuận cơ chế phối hợp thực hiện công tác thống kê ký ngày 28/12/2012 giữa Bộ Công Thương và Tổng cục Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 4347/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt đề án “Hoàn thiện các chỉ tiêu thống kê và tổ chức thống kê ngành Công Thương Đồng Nai đến 2020, có tính đến 2025”;

Xét nhu cầu hợp tác trong việc phối hợp hoạt động và cung cấp thông tin thống kê. Sở Công Thương và Cục Thống kê nhất trí thỏa thuận cơ chế phối hợp công tác thống kê trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

Điều 1. Mục tiêu

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước ngành Công Thương và ngành Thống kê trên địa bàn tỉnh, góp phần tạo lập hệ thống thông tin thống kê quốc gia tập trung, thống nhất, thông suốt và hiệu quả.

- Tiếp tục triển khai thực hiện đề án “Hoàn thiện các chỉ tiêu thống kê và tổ chức thống kê ngành Công Thương Đồng Nai đến năm 2020, có tính đến năm 2025” sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

- Đổi mới, hoàn thiện công tác thống kê ngành công thương theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng và hiệu quả; phối hợp hoàn thiện bộ máy tổ chức thống kê của ngành công thương Đồng Nai từ cơ chế, chính sách, chức năng, nhiệm vụ đến tuyển dụng, đào tạo.

Điều 2. Nguyên tắc

Việc thỏa thuận cơ chế phối hợp thực hiện công tác thống kê đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Thỏa thuận những nội dung chưa đề cập và quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật và cam kết thực hiện có hiệu quả các nội dung đã có trong các văn bản quy phạm pháp luật;

- Tuân thủ theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của hai cơ quan Sở Công Thương và Cục Thống kê tỉnh theo quy định.

- Nội dung thỏa thuận rõ ràng, cụ thể. Đảm bảo tính cập nhật thường xuyên các nội dung thỏa thuận để thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của hai cơ quan trong từng thời kỳ;

- Tuân thủ các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới việc sử dụng và phổ biến thông tin thống kê.

Điều 3. Các hoạt động phối hợp

- Triển khai các nội dung của đề án “Hoàn thiện các chỉ tiêu thống kê và tổ chức thống kê ngành Công Thương Đồng Nai đến năm 2020, có tính đến năm 2025” theo quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

- Trao đổi, chia sẻ và kết nối thông tin thống kê giữa Cục Thống kê với Sở Công Thương về các chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và các chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại (phụ lục kèm theo).

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thống kê; phổ biến và tập huấn các chế độ báo cáo thống kê tổng hợp và cơ sở; tuyên truyền và phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực thống kê;

- Hỗ trợ triển khai các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh; các cuộc điều tra ngành, lĩnh vực công nghiệp và thương mại; trao đổi kết quả sau khi điều tra.

- Các hoạt động liên quan khác khi có đề nghị phối hợp của hai cơ quan.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

- Hai bên thống nhất cử đơn vị đầu mối phối hợp: Đại diện Sở Công Thương (Phòng Kế hoạch- Tài chính) và Đại diện Cục Thống Kê (Các phòng thống kê: Tổng hợp, Công nghiệp, Thương mại).

- Hàng tháng, hai cơ quan tổ chức trao đổi, thống nhất với Cục Hải Quan tỉnh về một số tình hình và số liệu xuất khẩu, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh trong kỳ thực hiện báo cáo.

- Hàng quý, hai cơ quan tổ chức đoàn công tác nắm tình hình sản xuất kinh doanh và những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Kiến nghị giải pháp xử lý, tháo gỡ kịp thời nhằm duy trì và ổn định sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời có cơ sở đánh giá, dự báo tình hình công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, cả năm.

- Hàng năm có báo cáo đánh giá kết quả phối hợp và kế hoạch triển khai công tác phối hợp trong năm tiếp theo.

- Tổ chức họp sơ kết vào năm 2015 và tổng kết vào năm 2020 quá trình phối hợp chia sẻ thông tin và triển khai thực hiện đề án thống kê của ngành Công Thương Đồng Nai.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Trưởng các phòng, đơn vị liên quan thuộc Sở Công Thương và Cục Thống kê chịu trách nhiệm thực hiện Thỏa thuận này.

- Mọi thay đổi, bổ sung thỏa thuận này phải được hai bên trao đổi thống nhất bằng văn bản.

- Thỏa thuận này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

ĐẠI DIỆN
SỞ CÔNG THƯƠNG ĐỒNG NAI
GIAM ĐỐC

Lê Văn Dành

ĐẠI DIỆN
CỤC THỐNG KÊ ĐỒNG NAI
CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Quang

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
 - UBND tỉnh;
 - Cục Thống kê Đồng Nai;
 - Lưu: VT, KHTC.
- Tuan\Thongke\Cochephoihop.

PHỤ LỤC

(Kèm theo bản thỏa thuận số: 548 /BT-SCT-CTK ngày 12 tháng 3 năm 2014
giữa Sở Công Thương và Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai)

TT	Thông tin thống kê	Sở Công Thương cung cấp	Cục Thống kê cung cấp
A	B	C	D
I	Số liệu thống kê tháng		
1	Thời gian cung cấp ⁽¹⁾	Ngày 15-17 hàng tháng	Ngày 15-17 hàng tháng
2	Các chỉ tiêu cung cấp ⁽²⁾	<ul style="list-style-type: none"> - Tình hình quản lý thị trường trong tháng (số vụ kiểm tra, xử lý, số tiền thu phạt) - Hoạt động xúc tiến thương mại của tỉnh trong tháng - Tình hình triển khai công tác khuyến công trong tháng 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ số sản xuất công nghiệp hàng tháng - Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu của toàn ngành công nghiệp - Chỉ số giá tiêu dùng - Tổng mức bán lẻ hàng hóa; dịch vụ - Kim ngạch xuất khẩu của tỉnh trong tháng (thị trường, mặt hàng) - Kim ngạch nhập khẩu của tỉnh trong tháng (thị trường, mặt hàng)
3	Hình thức cung cấp	Thư điện tử; Văn bản	Thư điện tử; Văn bản
II	Báo cáo tình hình tháng		
1	Thời gian cung cấp	Ngày 18 - 20 hàng tháng	Ngày 18 - 20 hàng tháng
2	Các chỉ tiêu cung cấp	Báo cáo tình hình hoạt động ngành công nghiệp và thương mại tháng	Tình hình kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh hàng tháng
3	Hình thức cung cấp	Tệp dữ liệu; Văn bản	Tệp dữ liệu; Văn bản
III	Số liệu thống kê quý, 6 tháng, 9 tháng		
1	Thời gian cung cấp	Ngày 15 – 17 tháng cuối quý	Ngày 15 – 17 tháng cuối quý
2	Các chỉ tiêu cung cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Tình hình quản lý thị trường quý, 6 tháng, 9 tháng (số vụ kiểm tra, xử lý, số tiền thu phạt) - Hoạt động xúc tiến thương mại của tỉnh quý, 6 tháng, 9 tháng - Tình hình triển khai công tác khuyến công quý, 6 tháng, 9 tháng. 	Ngoài các biểu số liệu như phần số liệu tháng, Cục Thống kê gửi bổ sung cho Sở Công Thương các biểu sau: <ul style="list-style-type: none"> - Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) phân theo từng ngành công nghiệp, thương mại - Giá trị sản xuất ngành công nghiệp (giá SS, giá thực tế) - Chỉ số tiêu thụ sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo - Chỉ số tồn kho sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo
3	Hình thức cung cấp	Thư điện tử; Văn bản	Thư điện tử; Văn bản
IV	Báo cáo tình hình quý, 6 tháng, 9 tháng		
1	Thời gian cung cấp	Ngày 18 – 20 tháng cuối quý	Ngày 18 - 20 tháng cuối quý
2	Các chỉ tiêu cung cấp	Báo cáo tình hình công nghiệp và thương mại quý, 6 tháng, 9 tháng	Tình hình kinh tế- xã hội trên địa bàn tỉnh quý, 6 tháng, 9 tháng
3	Hình thức cung cấp	Thư điện tử; Văn bản	Thư điện tử; Văn bản
V	Số liệu thống kê năm		
1	Thời gian cung cấp	Lần 1: Ngày 17 - 20/7 năm Lần 2: Ngày 17 - 20/11 năm	Lần 1: Ngày 17 - 20/7 năm Lần 2: Ngày 17 - 20/11 năm

2	Các chỉ tiêu cung cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Tình hình quản lý thị trường năm (số vụ kiểm tra, xử lý, số tiền thu phạt) - Hoạt động xúc tiến thương mại của tỉnh trong năm - Tình hình triển khai công tác khuyến công trong năm - Năng lực sản xuất và năng lực mới tăng thêm của một số sản phẩm công nghiệp (sau khi có kết quả điều tra) 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng sản phẩm trong năm trên địa bàn tỉnh (GRDP) phân theo ngành công nghiệp, thương mại - Giá trị sản xuất cả năm ngành công nghiệp của tỉnh (giá so sánh, giá thực tế) - Chỉ số sản xuất công nghiệp năm trên địa bàn tỉnh (theo ngành cấp 1, cấp 2) - Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu của toàn ngành công nghiệp cả năm - Chỉ số tiêu thụ sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo cả năm - Chỉ số tồn kho sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo cả năm - Chỉ số giá tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ cả năm trên địa bàn tỉnh - Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ cả năm trên địa bàn tỉnh
3	Hình thức cung cấp	Thư điện tử; Văn bản	Thư điện tử; Văn bản
VI Báo cáo tình hình năm			
1	Thời gian cung cấp	Lần 01: Ngày 20 - 25/7 năm Lần 02: Ngày 20 - 25/11 năm	Lần 01: Ngày 20 - 25/07 năm Lần 02: Ngày 20 - 25/11 năm
2	Các chỉ tiêu cung cấp	Báo cáo tình hình công nghiệp và thương mại năm	Tình hình kinh tế- xã hội trên địa bàn tỉnh năm
3	Hình thức cung cấp	Thư điện tử; Văn bản	Thư điện tử; Văn bản
VII Các ấn phẩm, tài liệu thống kê khác			
1	Thời gian cung cấp	<i>(Tùy theo từng nội dung)</i>	
2	Các chỉ tiêu cung cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo số lượng chợ trên địa bàn tỉnh (31/3/năm sau) - Báo cáo tình hình đầu tư, phát triển và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh (31/3 hàng năm) - Báo cáo số lượng siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh (31/3/năm sau) - Báo cáo số lượng đơn vị có giao dịch TMDT trên địa bàn - Báo cáo tình hình đầu tư, phát triển Cụm công nghiệp của tỉnh - Tỷ lệ hộ trong vùng dân cư có điện trên địa bàn tỉnh - Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp của tỉnh 2011- 2015; Chương trình phát triển dịch vụ của tỉnh 2011- 2015 (sau khi Trường ban phê duyệt) 	<ul style="list-style-type: none"> - Niên giám thống kê tỉnh (Sau khi phát hành) - Một số chỉ tiêu chủ yếu (*) về hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (Sau khi có kết quả điều tra) - Một số chỉ tiêu chủ yếu của các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông nghiệp (Sau khi có kết quả điều tra) - Danh sách doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu của tỉnh (Kim ngạch XK hoặc NK từ 100 triệu USD trở lên) - Chỉ số giá nguyên vật liệu để sản xuất hàng công nghiệp (sau khi có dữ liệu TCTK chuyển về). - Chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng công nghiệp (sau khi có dữ liệu TCTK chuyển về). - Chỉ số giá xuất, nhập khẩu (sau khi có dữ liệu TCTK chuyển về). - Số liệu về Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp của tỉnh 2011- 2015; Chương trình phát triển dịch vụ của tỉnh 2011- 2015 (theo Hợp đồng từng năm)
3	Hình thức cung cấp	Thư điện tử; Văn bản	Thư điện tử; Văn bản

Ghi chú:

1. Về thời gian cung cấp: Thời gian gửi thư điện tử và biểu số liệu có thể trước 02 hoặc 03 ngày so với thời gian gửi báo cáo tình hình theo quy định bằng văn bản và đường công văn.

2. Về các chỉ tiêu cung cấp:

- Một số chỉ tiêu như: chỉ số tiêu thụ; chỉ số tồn kho sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo; Chỉ số giá tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ không có số liệu ước tính, chỉ có số liệu thực tế của kỳ báo cáo.

- Một số chỉ tiêu chủ yếu về doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh cá thể ngành công nghiệp, thương mại như: Tên, địa chỉ, điện thoại, ngành nghề SXKD chính, lao động, vốn, doanh thu..vv.

3. Trên thực tế, căn cứ theo hệ thống chỉ tiêu thống kê Quốc gia; Danh mục hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh và hệ thống chỉ tiêu thống kê công nghiệp và thương mại. Trong trường hợp cần xem xét, nghiên cứu ở góc độ chi tiết hơn thì tùy thuộc vào điều kiện thực tế sẽ trao đổi, thỏa thuận và thống nhất của cả hai bên.